Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 20.02.2020 08:12:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2020*

BÁO CÁO
Về việc tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2019

Thực hiện Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương"; Công văn số 267/BNV-CCHC ngày 14/01/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo Bộ Nội vụ về việc tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh (*Bảng kết quả tự đánh giá kèm theo)*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:
- BCĐ CCHC Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Trung tâm HCC;
- Lưu: VT. Vp Đoàn ĐBQH, HĐND&UBND tỉnh.

(VAN) 5

KT. CHỦ TỊCH.
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

BẢNG KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2019 TỈNH TÂY NINH

(kèm theo Báo cáo số 43 /BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**8,5**	**8,5**	
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC	**1,5**	**1,5**	Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	**0,5**	**0,5**	Thực hiện báo cáo đầy đủ 04 BC định kỳ, đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định
1.3	Công tác Kiểm tra CCHC	**2**	**2**	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	**1**	**1**	Tỉnh Tây Ninh nă m 2019 có: 19 sở, ban, ngành tỉnh và 09 huyện, thành phố. Đã thực hiện kiểm tra tại 8/19 sở và 09/09 huyện, thành phố.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	**1**	**1**	Tính đến cuối năm 2019, tất cả các hạn chế đã được khắc phục (Gửi kèm một số BC khắc phục của một số đơn vị)
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	**1**	**1**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	**2**	**2**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	**1,5**	**1,5**	Hoàn thành các nội dung do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH**	**5**	**5**	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật	**2**	**2**	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	**1**	**1**	Thu thập thông tin qua công tác kiểm tra tại các đơn vi, công tác tổng hợp báo cáo chuyên đề, định kỳ và hoạt động khảo sát

2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	**1**	**1**	Kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thông qua báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ. Ban hành công văn chỉ đạo xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát, hệ thống hóa	**1,5**	**1,5**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
2.3	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	**1,5**	**1,5**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**14**	**13,8976**	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	**1**	**1**	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	**0,5**	**0,5**	Trong năm 2019, Tây Ninh không ban hành VBQPPL có quy định về TTHC tất cả các quy định TTHC hiện nay đang áp dụng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của các cơ quan Trung ương ban hành.
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	**0,5**	**0,5**	100% các vấn đề phát hiện qua rà soát đều được Tây Ninh chỉ đạo xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo đúng quy định. Đồng thời, trong năm 2019, Tây Ninh được Văn phòng Chính phủ khen là một trong những tỉnh có nhiều kết quả tích cực trong rà soát, đơn giản hóa TTHC tại Báo cáo số 593/VPCP-KSTT ngày 22/1/2020 về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020.
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	**3,5**	**3,5**	
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	**0,25**	**0,25**	Trong năm 2019, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành 53 quyết định công bố danh mục TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã), với tổng số là 1872 TTHC (trong đó cấp tỉnh là: 1475 thủ tục, cấp huyện là 258 thủ tục và cấp xã là 139 thủ tục).

3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	**0,25**	**0,25**	Trong năm 2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 53 quyết định công bố danh mục TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã), với tổng số là 1872 TTHC (trong đó cấp tỉnh là: 1475 thủ tục, cấp huyện là 258 thủ tục và cấp xã là 139 thủ tục). Các TTHC sau khi công bố đều được nhập dữ liệu và công khai đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Tính đến nay, toàn tỉnh có 1.899 TTHC, trong đó: cấp tỉnh là 1.502 TTHC, cấp huyện là 258 TTHC, cấp xã là 139 TTHC. Đồng thời, trong năm 2019 Tây Ninh là 1 trong 4 tỉnh đầu tiên được tặng bằng khen vì hoàn thành 100% việc rà soát dữ liệu, cập nhật quy trình TTHC vào Cổng dịch vụ công quốc gia theo đúng yêu cầu của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	**0,75**	**0,75**	Tây Ninh đã hoàn thành toàn bộ việc công bố danh mục TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã). Tính đến nay, toàn tỉnh có 1.899 TTHC, trong đó: cấp tỉnh là 1.502 TTHC, cấp huyện là 258 TTHC, cấp xã là 139 TTHC.
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	**0,75**	**0,75**	Các TTHC sau khi công bố đều được nhập dữ liệu và công khai đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Tính đến nay, toàn tỉnh có 1.899 TTHC, trong đó: cấp tỉnh là 1.502 TTHC, cấp huyện là 258 TTHC, cấp xã là 139 TTHC.
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	**0,75**	**0,75**	Các TTHC sau khi công bố đều được nhập dữ liệu và công khai đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, công khai 100% trên Cổng TTĐT của tỉnh; 100% số ĐVHC cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình; 100% số CQCM cấp tỉnh công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình

3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	**0,75**	**0,75**	Tỉnh đã triển khai Hệ thống một cửa điện tử tập trung tỉnh đã cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã (1.899 TTHC) và cập nhật trình tự thực hiện giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ http://motcua.tayninh.gov.vn. Đây là hệ thống phục vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quá trình giải quyết TTHC. Đồng thời, đối với việc tích hợp, chia sẽ dữ liệu TTHC và một cửa điện tử tập trung tại địa phương. Bộ phận quản trị một cửa điện tử cập nhật các quy trình trên một cửa thì hệ thống tự động tích hợp lên cổng dịch vụ công tỉnh nhằm công khai toàn bộ quy trình giải quyết, các hình thức tiếp nhận, trả kết quả TTHC của địa phương. Các thống kê, báo cáo việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh được cập nhật liên tục lên Hệ thống dịch vụ công tỉnh và Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn. đối với 3 cấp chính quyền
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	**3,5**	**3,5**	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	**1**	**1**	Tính đến nay, toàn tỉnh có 1.899 TTHC, trong đó: cấp tỉnh là 1.502 TTHC, cấp huyện là 258 TTHC, cấp xã là 139 TTHC đều thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	**0,5**	**0,5**	Tây Ninh đã chỉ đạo triển khai và tính đến thời điểm này đã có 39/48 TTHC theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg đã thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp. Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn tỉnh, tỉnh đã yêu cầu Cục thuế tỉnh cử người ra làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để tiếp nhận toàn bộ các TTHC liên quan đến đất đai liên quan đến khâu tính thuế của ngành Thuế theo đúng Thông tư liên tịch số 88 của liên Bộ TNMT và Bộ Tài chính
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	**1**	**1**	Tây ninh đã công bố Danh mục 371 TTHC thực hiện liên thông cùng cấp và hiện nay tất cả các cơ quan chủ trì liên thông đã có quy chế phối hợp thực hiện liên thông theo đúng quy định
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	**1**	**1**	Tây ninh đã công bố Danh mục 106 TTHC thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền và hiện nay tất cả các cơ quan chủ trì liên thông đã có quy chế phối hợp thực hiện liên thông theo đúng quy định

3.4	Kết quả giải quyết TTHC	**5**	**4,8976**	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	**1,5**	**1,4608**	Số liệu thống kê tại Phần mềm Một cửa điện tử từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 (http://motcua.tayninh.gov.vn/Default.aspx?tabid=176#Menu=Báo cáo tổng hợp): Tiếp nhận phải giải quyết là 127.330 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn là 124.002 hồ sơ (tỷ lệ 97,39%); giải quyết trễ hạn: 4450 hồ sơ (tỷ lệ 2,61%).
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	**1,5**	**1,461**	Số liệu thống kê tại Bộ phận Một cửa điện tử từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 (http://motcua.tayninh.gov.vn/Default.aspx?tabid=176#Menu=Báo cáo tổng hợp: Tiếp nhận phải giải quyết là 34.428 hồ sơ; đã giải quyết đúng hạn: 33.534 hồ sơ (tỷ lệ 97,4%); quá hạn là 756 hồ sơ (tỷ lệ là 2,2%); còn lại 127 hồ sơ còn trong thời hạn giải quyết (chưa đến hạn) chiếm tỷ lệ 0,3%.
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	**1**	**0,9758**	Số liệu trích xuất tại Phần mềm https://dichvucong.tayninh.gov.vn/: đã giải quyết: 211.189/216.427 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 97,58%)
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	**0,25**	**0,25**	Các hồ sơ trễ hạn đều được thực hiện xin lỗi bằng văn bản và gọi điện thoại trực tiếp đến người nộp hồ sơ.
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	**0,75**	**0,75**	Trong năm 2019, qua đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại cấp tỉnh, huyện, xã tất cả các cơ quan đều đạt từ Từ 80% - 100%.
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	**1**	**1**	
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	**0,75**	**0,75**	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo đúng quy định
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	**0,25**	**0,25**	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**7,5**	**7,4582**	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	**3,5**	**3,4582**	

4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	**1**	**1**	
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	**1,5**	**1,5**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	**1**	**0,9582**	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015 là 741. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 là 670 .
4.2	Thực hiên quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	**2,5**	**2,5**	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	**0,5**	**0,5**	Số biên chế giao năm 2019 của tỉnh là: 1.858 . Số biên chế hành chính sử dụng tại thời điểm ngày 30/10/2019 là 1.681.
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	**0,5**	**0,5**	Giải trình: Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2019 của tỉnh là: 18.418. Số biên chế hành chính sử dụng tại thời điểm ngày 30/10/2019 là 16.874
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	**1,5**	**1,5**	Số biên chế giao năm 2015 của tỉnh là: 2.010 . Số biên chế giao năm 2019 của tỉnh là: 1.858 . Số biên chế hành chính sử dụng tại thời điểm ngày 30/10/2019 là 1.681
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	**1,5**	**1,5**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	**0,25**	**0,25**	
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	**0,25**	**0,25**	
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	**1**	**1**	
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**8**	**8**	

5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	**2**	**2**	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	**1**	**1**	
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	**1**	**1**	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	**1**	**1**	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	**0,5**	**0,5**	Trong năm 2019 không tổ chức kỳ thi tuyển công chức. Trong năm 2018, tỉnh Tây Ninh tổ chức thi tuyển công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Kết quả: 45/55 thí sinh trúng tuyển thuộc khối cơ quan hành chính nhà nước; 30/37 thí sinh trúng tuyển khối đảng, đoàn thể; 26/33 thí sinh trúng tuyển công chức cấp xã.
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	**0,5**	**0,5**	Trong năm 2019, tổng số 07 đơn vị xây dựng kế hoạch và tuyển được 132 viên chức. 07 đơn vị thực hiện tuyển dụng viên chức theo đúng quy định.
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	**0,5**	**0,5**	
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	**0,25**	**0,25**	Trong năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xây dựng đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức, viên chức hành chính tỉnh Tây Ninh. Bộ Nội vụ đã đồng ý phê duyệt Đề án thi nâng ngạch công chức, viên chức hành chính tỉnh Tây Ninh. Kết quả: đã tổ chức thi vòng 1 vào ngày 28/12/2019. Vòng 2 thi vào ngày 14/02/2020. Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức tại tỉnh Tây Ninh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	**0,25**	**0,25**	Trong năm 2019 tỉnh Tây Ninh không tổ chức xét thăng hạng viên chức chuyên ngành. Năm 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Đề án tổ chức xét thăng hạng đối với viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2218/UBND-NCPC ngày 12/9/2018. Kết quả: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng đối với 1.588 viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục.
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	**0,75**	**0,75**	Trong năm 2019, UBND tỉnh Tây Ninh thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính.

5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	**1,75**	**1,75**	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	**0,25**	**0,25**	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức đúng quy định. Về kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2019: trước ngày 01/3/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có báo cáo Bộ Nội vụ theo đúng quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	**1,5**	**1,5**	Trong năm 2019, tỉnh Tây Ninh không có cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp huyện và tương đương trở lên bị xử lý kỷ luật.
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	**1**	**1**	Chi tiêu đào tạo năm 2019: 3134 Kết quả đào tạo bồi dưỡng: 6766 (Đạt 215,89% Kế hoạch đề ra)
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	**1**	**1**	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	**0,5**	**0,5**	Tổng số công chức cấp xã 1.158; số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn là 1.158
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	**0,5**	**0,5**	Tổng số công chức cấp xã 1.019; số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn là 1.019
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**8,5**	**7,5**	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	**3**	**2,5**	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	**1**	**1**	
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	**1**	**1**	Trong năm 2019, không có kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền về sai phạm sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	**1**	**0,5**	Số tiền phải nộp Ngân sách nhà nước theo kiến nghị: 2.993.366.701 đồng; Số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị: 2.958.169.371 đồng. Tỷ lệ kết quả thực hiện: 98,9242%.
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	**2**	**2**	
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	**0,5**	**0,5**	- Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng: Sở Tài chính đang trình UBND tỉnh (Tờ trình số 146/TTr-STC-QLGCS ngày 11/12/2019) - Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng: UBND tỉnh đang trình Thường trực HĐND tỉnh (Tờ trình số 2789/TTr-UBND ngày 27/12/2019)
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	**0,5**	**0,5**	Sở Tài chính tổng hợp trên cơ sở báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của các cơ quan, đơn vị
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	**0,75**	**0,75**	UBND tỉnh đã có QĐ phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp 1.667 cơ sở nhà, đất của các huyện, thành phố; riêng 159 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị tỉnh chưa được phê duyệt (Sở Tài chính - Thường trực BCĐ 167 đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 113/TTr-BCĐ.167 ngày 18/9/2019)
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	**0,25**	**0,25**	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công theo yêu cầu của Sở Tài chính tại Công văn số 3063/STC-QLGCS ngày 11/12/2018; đồng thời, Sở Tài chính tổng hợp, đánh giá việc thực hiện tại Báo cáo số 91/BC-STC ngày 14/3/2019 gửi Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	**3,5**	**3**	
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	**1**	**0,5**	Trong năm 2019, có thêm 01 đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (Quyết định số 504/QĐ-STC ngày 07/11/2019 của Sở Tài chính về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Tây Ninh trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh).

6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	**0,5**	**0,5**	Năm 2019, có thêm 02 đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: - Quyết định số 79/QĐ-STC ngày 29/01/2019 của Sở Tài chính về giao quyền tự chủ về tài chính cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND huyện Hòa Thành về giao tự chủ tài chính cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Hòa Thành.
6.3.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	**1**	**1**	Các đơn vị thực hiện phân phối kết quả tài chính theo quy định. Trong năm, tỉnh Tây Ninh không có kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về sai phạm phân phối kết quả tài chính, sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên tại các đơn vị SNCL của tỉnh.
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	**1**	**1**	Tổng chi trực tiếp NSNN cho đơn vị SNCL thuộc tỉnh năm 2015: 670.448.981.000 đồng Tổng chi trực tiếp NSNN cho đơn vị SNCL thuộc tỉnh năm 2019: 474.801.330.000 đồng Cách xác định tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015: Đối với dự toán năm 2019, Sở Tài chính xác định theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng (mức lương cơ sở năm 2015) và chi hoạt động thường xuyên, để làm cơ sở xác định tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách so với năm 2015.
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**9**	**8**	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	**5,5**	**5,5**	
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	**0,5**	**0,5**	UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 về phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh. Lộ trình Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh được chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn 2018-2019 tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Quyết định 1123/QĐ-UBND
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	**1**	**1**	Báo cáo số liệu về phát triển Chính phủ điện tử Quý IV/2019 tại VB số 2686/UBND-TTHCC (điểm 2.2.Thông tin phục vụ đánh giá hiệu quả sử dụng Hệ thống QLVBĐH, Mục 2 Sheet UDCNTT) và tại Website: http://t-doc2.tayninh.gov.vn:8080/PublicStat/details.html

7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	**1**	**1**	Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành được triển khai theo mô hình tập trung, kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã, đạt tỷ lệ 100%
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	**1**	**1**	Hệ thống thông tin 1 cửa điện tử của tỉnh đã kết nối liên thông tới 100% các sở, ngành cấp tỉnh, 100% cấp huyện và 100% cấp xã. (đính kèm Quyết định số 2716/QĐ-UBND công bố Danh mục TTHC thực hiện liên thông cùng cấp và thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Quy trình liên thông 3 cấp)
7.1.5	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công	**1**	**1**	Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và tích hợp đầy đủ DVC trực tuyến mức độ 3,4 theo danh mục được phê duyệt (Đính kèm Báo cáo số liệu về phát triển Chính phủ điện tử Quý IV/2019 tại VB số 2686/UBND-TTHCC và Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch CNTT năm 2019 tại Tờ trình số 90/TTr-STTTT). Cổng DVC truy cập tại địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/
7.1.6	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	**1**	**1**	Báo cáo số liệu về phát triển Chính phủ điện tử Quý IV/2019 tại VB số 2686/UBND-TTHCC và Văn bản số 1140/UBND-VHXH ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ Địa chỉ truy cập https://ktxh.tayninh.gov.vn/
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	**1,25**	**1,25**	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	**0,25**	**0,25**	Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ là 377/633 TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 (không tính 02 DVC Công an tỉnh theo QĐ công bố của UBND tỉnh), đạt tỷ lệ 59,5%
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	**1**	**1**	- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 là: 294996 - Số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC là: 108258 Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC là: 108258/294996, đạt 36,6%, số liệu truy cập tại địa chỉ http://dichvucong.tayninh.gov.vn.
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	**1,25**	**0,25**	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	**0,25**	**0,25**	Trong năm, có phát sinh hồ sơ 577 TTHC trên tổng số 1108 thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, đạt tỷ lệ 52%

7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	**0,5**	**0**	- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua các hình thức trong năm là: 294.996 - Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI là: 2.151 Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng hồ sơ đã tiếp nhận trong năm là: 2.151/294.996, đạt tỷ lệ 0.72% (Theo BC số 438/UBND ngày 02/12/2019 Báo cáo kết quả triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg)
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	**0,5**	**0**	- Tổng số hồ sơ đã trả kết quả qua các hình thức trong năm là: 295.468 - Tổng số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI là: 9.153 Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng hồ sơ đã trả kết quả trong năm là: 9.153/295.468, đạt tỷ lệ 3.1% (Theo BC số 438/UBND ngày 02/12/2019 Báo cáo kết quả triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg)
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	**1**	**1**	
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	**0,5**	**0,5**	33/33 CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định (đạt 100%)
7.4.2	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	**0,5**	**0,5**	39/39 CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định (đạt 100%)
8	**TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH**	**6**	**5,3437**	
8.1	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh			Điều tra XHH
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1	Thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2019 đạt 32.516,82 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1,8437	Tài liệu đính kèm tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn/
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	0,8437	Tổng số doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2019 là 658 tăng cao hơn tổng số doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2018 là 563

8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	1	- Tổng thu NSNN năm 2018: 7.673 tỷ đồng, trong đó đóng góp của khu vực doanh nghiệp là 964,2 tỷ đồng, đạt 12,6%. - Tổng thu NSNN năm 2019: 9.604,9 tỷ đồng, trong đó đóng góp của khu vực doanh nghiệp là 1.265,9 tỷ đồng, đạt 13,2%.
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1	- Dự toán thu NSNN năm 2019 là 7.844 tỷ đồng (Bộ Tài chính giao tại Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018). - Tổng thu NSNN năm 2019 là 9.604,9 tỷ đồng, đạt 122,44% so với kế hoạch Chính phủ giao.
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	**1**	**1**	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) thực hiện năm 2019 là 56.371 tỷ đồng tăng cao hơn so với tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) thực hiện năm 2018 là 51.997
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	**1**	**0,5**	Năm 2019 HĐND tỉnh giao 10 chỉ tiêu phát triển KT-XH, đã thực hiện và đạt được 9/10 chỉ tiêu. Chỉ tiêu giá trị sản xuất nông - lâm -thủy sản không đạt so với kế hoạch đề ra.
TỔNG ĐIỂM		**66,5**	**63,6995**	